ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN PHÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP CẤP TIỀN HỖ TRỢ THÀNH VIÊN THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND CỦA HĐND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

THÁNG 9+10+11 NĂM 2026

STT	Đối tượng		Tổng số đối tượng	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Số tiền quyết toán (đồng)	Ghi chú
	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp							
1	Khoản 1 Điều 2	BTXH (NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi)	1	450.000	3	1.350.000		1.350.000	
		BTXH (KT+đơn thân)	1	450.000	3	1.350.000		1.350.000	
		BTXH (Người đơn thân nuôi 01 con nhỏ thuộc hộ cận nghèo)	1	800.000	3	2.400.000		2.400.000	
		Người KT nặng từ 16-59 tuổi	21	450.000	3	28.350.000		28.350.000	
			1	450.000	1	450.000		450.000	Chuyển sang đối tượng KT nặng trên 60 tuổi từ 01/10/2026
		Người KT đặc biệt nặng từ 16-59 tuổi	4	100.000	3	1.200.000		1.200.000	
		Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	23	100.000	3	6.900.000		6.900.000	
			1	100.000	2	200.000		200.000	
		Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP và chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1	100.000	3	300.000		300.000	
		BTXH (Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi)	1	450.000	3	1.350.000		1.350.000	
		Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	46	760.000	3	104.880.000	3.680.000	101.200.000	
			1	760.000	2	1.520.000	80.000	1.440.000	
2	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT và Người mắc bệnh hiểm nghèo theo TT 50/2024/TT-BYT	15	1.500.000	3	67.500.000		67.500.000	
			1	1.500.000	2	3.000.000		3.000.000	
3	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa, cao đẳng và đại học văn bằng thứ nhất	22	1.500.000	3	99.000.000		99.000.000	
4	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	22	1.500.000	3	99.000.000		99.000.000	
Tổng cộng			**162**			**418.750.000**	**3.760.000**	**414.990.000**	

(Số tiền bằng chữ: Bốn trăm mười bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng./.

An Phú, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Quang Thế

PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * X. AN PHÚ - T.P HẢI PHÒNG * PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN HỒNG NGUYÊN

CHỦ TÀI KHOẢN

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * X. AN PHÚ - T.P HẢI PHÒNG * VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN

CHÁNH VĂN PHÒNG

Bùi Văn Khương

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN PHÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH CHI
HỖ TRỢ THÀNH VIÊN THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND CỦA HĐND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Tháng 9+10+11/2026

ĐVT: Đồng

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*				*12*	*13*	*14*
1	Phạm Thị Thuấn	Đa Đình	2/+D42:D143	030148006607	TN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'02/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Huy Long	9396788016	VietcomBank
2	Nguyễn Thị Hợi	Đa Đình	10/04/1955	030155010990	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Thị Thoan	1032760575	Vietcombank
3	Vũ Thị Bình	Đa Đình	23/04/1954	030154002622	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Tô Phúc	0782288615	MB
4	Nguyễn Thị Thả	Đa Đình	01/07/1954	030154010235	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Lương Thị Mến	109869549324	Vietinbank
5	Nguyễn Thị Phiếm	Đa Đình	19/03/1953	030153008158	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Lương Thị Mến	109869549324	Vietinbank
6	Lê Thị Thơm	Đa Đình	05/02/1956	030156012283	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'06/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Huy Cường	2303281007571	Agribank
7	Nguyễn Thị Tâm	Đa Đình	03/02/1956	030156000171	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Lê Thị Tuyến	1043826725	Vietcombank
8	Nguyễn Thị Thu	Đa Đình	15/05/1957	030157014698	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Mùa	700010857918	Shinhanbank
9	Đinh Thị Lâm	Đa Đình	10/08/2009	030309003977	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Đinh Thị Lâm	0389328300	MB
10	Phạm Thị Hợp	An Đông	01/01/1960	030160005634	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Hải	0341006851782	VietcomBank
11	Đinh Thị Thùy Linh	Đa Đình	09/03/2007	030307014274	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học đại học văn bằng thứ nhất	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Đinh Thị Thùy Linh	0385096995	MB
12	Nguyễn Thị Nhu	An Đông	12/01/1960	030160002255	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Danh Nghĩa	0984904678	VietinBank
13	Nguyễn Thị Đáng	An Đông	22/05/1955	030155008565	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Phạm Thị Tâm	0374705308	VietinBank
14	Nguyễn Thị Loan	An Đông	01/01/1957	030157003701	HCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Phúc Phong	0341000671258	VietcomBank
15	Nguyễn Thị Liễu	An Đông	12/02/1961	030161010718	HCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Huệ	98536434	VPBANK
16	Nguyễn Thị Nhài	An Đông	16/08/1970	030170002075	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Nguyễn Thị Nhài	2303206026172	Agribank

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
17	Lưu Thị Thoan	An Đông	25/08/1945	030145000925	TN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Phạm Thị An	4602128123	BIDV
18	Phạm Thị Tham	An Đông	10/08/1946	030146001104	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Lê Thị Thanh	0341001795693	Vietcombank
19	Nguyễn Thị Thuyết	An Đông	01/02/1949	030149001084	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Lương Viết Quang	0363408867	VietinBank
20	Nguyễn Thị Bốc	An Đông	20/02/1946	030146001078	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Bùi Xuân Nở	2303249004727	Agribank
21	Đoàn Thị Bống	An Đông	05/05/1949	030149002418	TN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'02/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Thị Thu Hà	4602903755	BIDV
22	Lê Thị Đạt	An Đông	23/12/1979	030179019571	HCN	Khoản 1 Điều 2	BTXH (Người đơn thân nuôi 01 con nhỏ thuộc hộ cận nghèo)	Khoản 1 Điều 3	800.000	'01/2026	3		2.400.000	Lưu Thị Hường	2303205185532	Agribank
23	Nguyễn Thị Thanh	An Đông	03/11/1991	030191014504	HCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Nguyễn Danh Dũng	0341001999741	Vietcombank
24	Lê Viết Nguyên	An Đông	15/08/1981	030081018205	HCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Lê Viết Liên	2303206025236	Agribank
25	Nguyễn Danh Dũng	An Đông	02/04/1982	030082016917	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Nguyễn Danh Đạt	59598686	MBV
26	Lê Đình Toán	An Đông	08/8/1981	030081006932	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Lê Thị Thanh Nguyệt	1052986490	Vietcombank
27	Nguyễn Thị Vượng	An Đông	29/09/1963	030163016795	TCN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày TT25/2025/TT-BYT (I50-Suy tim)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Khuyên	0341001745639	Vietcombank
28	Nguyễn Thị Hoà	An Đoài	01/01/1957	030157000384	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Nguyện	0912459531	VietinBank
29	Nguyễn Thị Thu	An Đoài	26/10/1954	030154014532	TCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Linh	030062671404	Sacombank
30	Nguyễn Thị Đãi	An Đoài	20/06/1956	030156004475	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Đình Tưởng	1018710448	VietcomBank
31	Nguyễn Thị Cảnh	An Đoài	25/12/1960	030160017455	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Thắm	1043958207	VietcomBank
32	Lê Thị Viễn	An Đoài	01/01/1956	030156012369	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Nhung	0341000651390	VietcomBank
33	Lê Thị An	An Đoài	15/06/1964	030164003987	TCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Nhung	0341000651390	VietcomBank
34	Nguyễn Tố Đào	An Đoài	12/01/1984	030084004674	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT đặc biệt nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Trần Thị Hương	0341005102718	Vietcombank
35	Nguyễn Thị Minh Đức	An Đoài	20/06/2009	030309003199	HCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Đức Đạm	0061000332845	Vietcombank

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
36	Lê Thị Mai Anh	An Đoài	26/11/2009	030309006966	HCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Lê Thị Mai Anh	0325642799	MB
37	Đàm Thị Nhan	Đào Xá	25/04/1947	030147004539	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Đàm Thị Muôn	0341007167326	Vietcombank
38	Đàm Đình Tiền	Đào Xá	02/03/1948	030048008039	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Đàm Đình Tiền	2303249005112	Agribank
39	Nguyễn Thị Thịnh	Đào Xá	08/09/1948	030148007764	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Đàm Đình Tiền	2303249005112	Agribank
40	Lê Thị Chăm	Đào Xá	30/06/1962	030162015999	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Thị Huệ	1033141032	VietcomBank
41	Nguyễn Đình Nghếch	Đào Xá	31/12/1949	030049001569	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Đình Hiệu	0341007005633	Vietcombank
42	Trương Thị Toán	Cổ Pháp	28/03/1949	030149009034	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'02/2026	3	80000	2.200.000	Trương Ngọc Dũng	0341001700558	Vietcombank
43	Nguyễn Thị Nhầy	Cổ Pháp	01/01/1942	030142001025	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'02/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Ngọc Khánh	101005474704	Viettinbank
44	Đinh Thị Toán	Cổ Pháp	23/07/1950	030150003310	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Đinh Thị Toán	'70422920251270140	MB
45	Tống Thị Nghi	Cổ Pháp	01/01/1939	030139004206	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Đình Cường	1040665132	Vietcombank
46	Trần Thị Hỏi	Cổ Pháp	01/01/1945	030145008147	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Trần Thị Đua	'70422920203356576	MB
47	Trần Thị Yến	Cổ Pháp	01/01/1931	030131004594	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Trần Thị Hân	4602908291	BIDV
48	Nguyễn Thị Lắm	Cổ Pháp	20/7/1934	030134006515	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Văn Phong	0981031766	MB
49	Nguyễn Thị Lắng	Cổ Pháp	8/8/1941	030141004323	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Tống Thế Nghĩa	'70422920761747135	MB
50	Đặng Văn Chẳng	Cổ Pháp	01/01/1932	030032003847	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Đặng Văn Thủy	0658919838686	MB
51	Phạm Thị Viên	Cổ Pháp	08/03/1931	030131000277	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Thị Hà	0341000624586	Vietcombank
52	Nguyễn Thị Nhạn	Cổ Pháp	01/01/1939	030139000742	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Tạ Văn Tâm	00001862658	TPbank
53	Nguyễn Thị Huấn	Cổ Pháp	02/03/1984	030184023090	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Đặng Thị Nhẫn	'70422920895760446	MB
54	Đặng Thị Nhẫn	Cổ Pháp	24/02/1949	030149010757	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Đặng Thị Nhẫn	'70422920895760446	MB

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
55	Nguyễn Thị Song	Cổ Pháp	01/01/1939	030139005478	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Ngọc Khánh	101005474704	Viettinbank
56	Trần Thị Nguyên	Cổ Pháp	01/01/1965	030165013976	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Ngọc Khánh	101005474704	Viettinbank
57	Trần Văn Tân	Cổ Pháp	01/01/1941	030041002699	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Ngọc Khánh	101005474704	Viettinbank
58	Đặng Văn Thủy	Cổ Pháp	7/7/1986	030086020197	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT đặc biệt nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Đặng Văn Thủy	0658919838686	MB
59	Nguyễn Văn Khoa	Cổ Pháp	10/02/1979	030079011699	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT đặc biệt nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Thị Lý	0341007113460	Vietcombank
60	Trần Văn Thoan	Cổ Pháp	01/01/1937	030141000926	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Thị Hà	0341006906104	Vietcombank
61	Hùng Quang Thống	Cổ Pháp	01/01/1968	030068013734	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Hùng Quang Thống	70422920649145030	MB
62	Trần Huy Cần	Cổ Pháp	01/01/1954	030054008889	HN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Trần Văn Quang	0341007222088	Vietcombank
63	Trần Văn An	Cổ Pháp	23/12/2009	030209003030	TN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Trần Thị Kim Anh	105004660325	Viettinbank
64	Nguyễn Thị Mận	Cổ Pháp	27/04/1954	030154016623	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Trần Thị Kim Anh	105004660325	Viettinbank
65	Nguyễn Thị Nhãn	Cổ Pháp	01/01/1957	030157003851	HCN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày TT25/2025/TT-BYT (D46-Hội chứng rối loạn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Hoàng Thị Hằng	0341006875856	Vietcombank
66	Nguyễn Thị Sối	An Điền Giáp	12/10/1955	030155004174	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Hữu Ngọc	2301205236913	Agribank
67	Nguyễn Thị Đáo	An Điền Giáp	03/02/1954	030154015379	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Thị Dương	030091008218	Sacombank
68	Nguyễn Thị Thủy	An Điền Giáp	01/01/1952	030152013135	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Đức Thủy	8812450045	BIDV
69	Nguyễn Thị Tâm	An Điền Giáp	01/01/1949	030149008286	TN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'02/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Đức Huynh	0978350958	MB
70	Nguyễn Thị Lừng	An Điền Giáp	16/08/1950	030150012842	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Thị Lừng	70422920806912733	MB
71	Nguyễn Thị Tín	An Điền Giáp	12/07/1950	030150011086	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Phạm Quý Cường	2300205715478	Agribank
72	Nguyễn Văn Vảo	An Điền Giáp	01/01/1948	030048009441	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Văn Cường	0846002478	MB
73	Nguyễn Thị Tấn	An Điền Giáp	14/7/1950	030150007581	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Văn Cường	0846002478	MB

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
74	Nguyễn Thị Tình	An Điền Giáp	23/07/1949	030149010406	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Ngọc Toán	4605172156	BIDV
75	Phạm Văn Giang	An Điền Giáp	01/04/1963	030063015850	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Phạm Văn Tập	4605172457	BIDV
76	Nguyễn Thị Hoài Nam	An Điền Giáp	25/01/1985	030185020579	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Nguyễn Văn Vinh	'70422920309897074	MB
77	Nguyễn Thị Huệ	An Điền Giáp	03/01/2010	030310013637	HCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Tới	85403012010666	MB
78	Đoàn Thị Bình	An Điền Kim	01/01/1955	030155010581	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Đoàn Văn Tuấn	'70422920607106681	MB
79	Nguyễn Đình Toàn	An Điền Kim	19/5/1969	030069010587	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Nguyễn Đình Thắng	8807339237	BIDV
80	Nguyễn Thị Mừng	An Điền Kim	01/01/1953	030153003026	HCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Thị Hiền	0341006863392	Vietcombank
81	Nguyễn Thị Hà	An Điền Kim	06/8/1956	030156016480	TCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Yến	8803558554	BIDV
82	Nguyễn Hữu Tơ	An Điền Kim	30/05/1955	030055002238	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Ngọc Thùy	27051987888	MB
83	Nguyễn Ngọc Nam	An Điền Kim	6/10/2009	030209000302	TN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Liên	075447740001	LB Bank
84	Nguyễn Phú Nho	An Điền Kim	02/03/1963	030063003615	HCN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày TT25/2025/TT-BYT (I25-Bệnh tim do phổi)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Phú Nho	'70422920790161577	MB
85	Nguyễn Thị Minh	An Điền Xuân	28/02/1978	030178003972	TN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT (B23.8-HIV)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Minh	109879523506	Viettinbank
86	Nguyễn Trung Cường	An Điền Xuân	07/03/1978	030078004359	TN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT (B23.8-HIV)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Minh	109879523506	Viettinbank
87	Triệu Thị Lan	An Điền Xuân	19/5/1993	020193004968	TN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT(B23.8-Bệnh HIV dẫn đến tình trạng xác	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Triệu Thị Lan	1050545804	Vietcombank
88	Vũ Văn Thuần	An Điền Xuân	16/06/1991	030091007013	TN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT(B23.8-Bệnh HIV dẫn đến tình trạng xác	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Triệu Thị Lan	1050545804	Vietcombank
89	Đỗ Quang Khoa	An Điền xuân	18/8/1957	030057017886	TCN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh hiểm nghèo theo TT 50/2024/TT-BYT (C92.1-Bệnh bạch cầu dạng tủy	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Đào Thị Phương	0341005786174	Vietcombank
90	Nguyễn Văn Tiến	An Điền Xuân	01/01/1961	030061006060	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Văn Tiến	8887272862	BIDV
91	Nguyễn Văn Ngọc	An Điền Xuân	09/10/1982	030082019585	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Nguyễn Thị Toàn	'70422920986676673	MB
92	Nguyễn Đồng Bầu	An Điền Xuân	15/10/1946	030046005644	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Trần Đức Tuấn	0366072588	MB

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
93	Nguyễn Văn Tuân	An Điền Xuân	20/02/1985	030085012866	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Nguyễn Văn Tuân	4603853905	BIDV
94	Nguyễn Thị Thắng	An Điền Xuân	01/01/1958	030158012145	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'06/2026	3		300.000	Nguyễn Thị Mến	0341000652776	Vietcombank
95	Nguyễn Thị Trang	An Điền Xuân	24/01/2010	030310014905	HCN	Khoản 1 Điều 2	BTXH (Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi)	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Nguyễn Đức Chí	4604973587	BIDV
96	Nguyễn Văn Đại	An Điền Xuân	30/9/2008	030208009778	TN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Văn Tuân	4603853905	BIDV
97	Nguyễn Trung Anh	An Điền Xuân	19/4/2010	030210008788	TN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'05/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Minh	0987475518	Viettinbank
98	Nguyễn Thị Lan	An Điền Xuân	01/01/1944	030144007092	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Trần Đức Tuấn	0366072588	MB
99	Lương Thị Xuyến	Chi Đoan	04/02/1942	030142000346	TN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Lương Thị Xuyến	'70422920001576252	MB
100	Đinh Văn Toản	Chi Đoan	01/01/1959	030059003655	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Đinh Thị Toán	'70422920251270140	MB
101	Hoàng Thị Tơ	Chi Đoan	04/11/2009	030309006551	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Hoàng Đức Vinh	'70422920612954052	MB
102	Hoàng Đức Vinh	Chi Đoan	07/10/1982	030082009888	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Hoàng Đức Vinh	'70422920612954052	MB
103	Đỗ Thị Dương Anh	Chi Đoan	17/11/2008	030308009700	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Đinh Thị Lại	'70422920405483497	MB
104	Trần Thị Xuân	Chi Đoan	5/6/1945	030145000739	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Đinh Văn Hải	0341007080257	Vietcombank
105	Phạm Thị Lễ	Chi Đoan	18/10/1954	030154011230	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Trần Thị Duyên	0031000180142	Vietcombank
106	Đặng Đức Quang Diệu	Chi Đoan	24/10/2009	030209004401	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Trịnh Thị Hường	0341006892054	Vietcombank
107	Đặng Đức Tuấn Kiệt	Chi Đoan	15/09/2007	030207016572	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học đại học văn bằng thứ nhất	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Trịnh Thị Hường	0341006892054	Vietcombank
108	Nguyễn Thị Vân Anh	Chi Đoan	15/04/2001	030301010911	TN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT(M32-Bệnh Lupus ban đỏ)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Đặng Thị Hiếu	98384383	VP Bank
109	Trần Thị Mừng	Kim Bảng	01/10/1973	030173000344	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Trần Thị Mừng	2303206024437	Agribank
110	Nguyễn Thị Thu	Lâm Xá	01/10/1966	030166011769	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026-9/2026	1		450.000	Nguyễn Văn Thủy	399414627	Vietcombank
111	Nguyễn Thị Thu	Lâm Xá	02/10/1966	030166011769	TN	Khoản 1 Điều 3	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 4	100.000	10/2026	2		200.000	Nguyễn Văn Thủy	399414628	Vietcombank

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
112	Đinh Thị Yến	Lâm Xá	20/01/1986	022186013252	TN	Khoản 1 Điều 2	BTXH (KT+đơn thân)	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Hoàng Thanh Huyền	5691996999999	MB
113	Dư Thị Yến	Lâm Xá	03/04/1966	030166004151	HCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'04/2026	3		4.500.000	Nguyễn Mạnh Vững	4604874486	BIDV
114	Nguyễn Thị Hải Yến	Lâm Xá	13/05/2010	030310012271	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'06/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Liên	1063393788	Vietcombank
115	Nguyễn Thị Dung	Lâm Xá	03/09/2009	030309005440	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Lê Thị Nguyệt	0341007189391	Vietcombank
116	Nguyễn Tuấn Anh	Phong Kim	29/10/1989	030089005709	HCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Bá Thị Dung	8891423018	BIDV
117	Vương Thị Sâm	Phong Kim	10/09/1956	09/10/1956	HCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Phạm Tuấn Khanh	9982063891	Vietcombank
118	Vũ Thị Đức	Phong Kim	04/02/1967	030167001316	HCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT đặc biệt nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Hồ Thị Hồng	0341007088654	Vietcombank
119	Phạm Văn Lạng	Phong Kim	08/07/1954	030054003933	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'03/2026	3	80000	2.200.000	Phạm Tuấn Khanh	9982063891	Vietcombank
120	Phạm Thị Lụa	Lâm Xuyên	13/01/1970	030170004485	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Phạm Thị Lụa	8855103980	BIDV
121	Bùi Thị Tập	Lâm Xuyên	21/01/1971	030171020515	HN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Bùi Văn Luyện	46010005141961	BIDV
122	Trần Vân Nhi	Lâm Xuyên	03/01/2009	030309012956	HCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Phạm Thị Thanh Thúy	8861852883	BIDV
123	Nguyễn Thị Điều	Lâm Xuyên	01/09/1951	030151001636	HCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Văn Hiếu	0341001829885	Vietcombank
124	Nguyễn Thị Gấm	Lâm Xuyên	01/01/1972	030172014867	TCN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh hiểm nghèo theo TT50/2024/TT-BYT (C56 -U ác buồng trứng)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Gấm	2303205081247	Agribank
125	Vũ Thị Vững	Phú Văn	01/02/1949	030149002150	HCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'04/2026	3		300.000	Vũ Thị Vững	8821423009	BIDV
126	Vũ Thị Gái	Phú Văn	13/01/1944	030144000672	HCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Lê Văn Doanh	2303205180703	Agribank
127	Vũ Văn Kiên	Phú Văn	08/07/2009	030209004852	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Vũ Văn Kiên	107885831101	Viettinbank
128	Vũ Thị Dần	Bạch Đa	10/02/1948	030148001878	TN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Vũ Xuân Mạn	0341007112566	Vietcombank
129	Vũ Thị Toạ	Bạch Đa	22/03/1948	030148001695	TN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Vũ Thị Thơm	0341006885262	Vietcombank
130	Nguyễn Văn Minh	Bạch Đa	01/01/1933	030033000282	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	2	80000	1.440.000	Lê Thanh Nam	105878333289	Vietinbank

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
131	Vũ Thị Quế	Bạch Đa	07/05/1949	030149002103	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Lê Thanh Nam	105878333289	Vietinbank
132	Nguyễn Thị Hải	Bạch Đa	01/01/1959	030159002984	HCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Hải	8845056198	BIDV
133	Vũ Thị Nhan	Bạch Đa	31/07/1964	030164002550	HCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Đặng Huy Vĩnh	8856202654	BIDV
134	Phạm Thị Khang	Bạch Đa	01/08/1964	030164003827	HCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Nghiêm	102001832773	Viettinbank
135	Vũ Thị Tuyên	Bạch Đa	12/12/1956	030156003029	TCN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Phạm Thị Thường	2303205191200	Agribank
136	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bạch Đa	02/11/1992	030192003282	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Phạm Thị Thường	2303205191200	Agribank
137	Phạm Thị Mơ	An Lương	15/07/1957	030157000960	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Phạm Xuân Cảnh	0341006979069	Vietcombank
138	Nguyễn Thị Tình	An Lương	01/06/1965	030165004126	HCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'04/2026	3		300.000	Kiều Thị Hà	1039801679	Vietcombank
139	Mạc Đức Cảnh Quang	An Lương	11/09/1998	030098012438	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Vương Thị Thụ	2303205210183	Agribank
140	Đoàn Hữu Chính	An Lương	02/04/1985	030085009734	TCN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh hiểm nghèo theo TT 50/2024/TT-BYT (C22-Ung thư gan)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Lý	0341007140116	Vietcombank
141	Vũ Thị Vui	An Lương	10/03/1972	030172007126	TCN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày TT25/2025/TT-BYT (I10-Bệnh lý tăng huyết áp)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'04/2026	3		4.500.000	Mạc Thị Hiền	274592893	VP bank
142	Mạc Đức Anh	An Lương	16/03/2010	030212022944	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'03/2026	3		4.500.000	Vương Thị Thụ	2303205210183	Agribank
143	Lê Thảo Ngân	An Lương	14/08/2005	066305012923	HCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học đại học văn bằng thứ nhất	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Lê Thảo Ngân	00003871861	TP Bank
144	Lê Ánh Hồng	An Lương	14/09/2007	030307016102	HCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học đại học văn bằng thứ nhất	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Lê Thảo Ngân	00003871861	TP Bank
145	Vương Thị Nở	Lang Khê	01/01/1950	030150002299	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Vương Thị Nở	70422920457806837	MB
146	Lê Thị Vịnh	Đông Nghĩa	01/01/1947	030147009864	TN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Phạm Thị Chiên	0357091388	MB
147	Lê Thị Nhung	Đông Nghĩa	01/01/1960	030160015879	TN	điểm đ Khoản 2 Điều 2	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên cô đơn	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'08/2026	3		4.500.000	Phạm Hồng Thư	8816134268	BIDV
148	Trần Thị Hường	Đông Nghĩa	20/01/1994	030194002991	TCN	Khoản 1 Điều 2	Người KT nặng từ 16-59 tuổi	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Trần Thị Hường	0341007109448	Vietcombank
149	Trần Thị Linh	Cẩm Lý	12/07/1945	030145001037	HN	Khoản 1 Điều 2	BTXH (Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi)	Khoản 1 Điều 3	450.000	'01/2026	3		1.350.000	Phạm Tuấn Phong	4603483560	BIDV

Stt	Họ và tên	Thôn	Năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Phân loại hộ	Đối tượng		Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định		Thời gian hưởng tháng	Số tháng 9+10+11	Thu hồi theo Quyết định số tháng 7+8/2026	Thành tiền	Tên tài khoản nhận tiền	Số tài khoản nhận tiền	Ngân hàng
						Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Thuộc trường hợp	Đối chiếu NQ 04/2026-HĐND	Số tiền							
150	Mạc Văn Khánh	Cẩm Lý	19/06/1984	030084011664	TN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT(B23.8-Bệnh HIV dẫn đến tình trạng xác	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Mạc Văn Khánh	9989474338	Vietcombank
151	Nguyễn Thị Lợi	Hoàng Dương	06/05/1948	030148007986	TN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'02/2026	3	80000	2.200.000	Nguyễn Văn Bình	0341006932548	Vietcombank
152	Nguyễn Thị Thi	Hoàng Dương	06/03/1956	030156015371	TCN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh hiểm nghèo theo TT 50/2024/TT-BYT (Ung thư đại tràng-C22)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Thi	0866423856	Viettinbank
153	Nguyễn Khánh Ly	Hoàng Dương	29/10/2006	030306008461	HCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học đại học văn bằng thứ nhất	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Khánh Ly	1028056086	Vietcombank
154	Nguyễn Tố Phong	An Đoài	26/06/2010	030210012902	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'07/2026	3		4.500.000	Trần Thị Hương	0341005102718	Vietcombank
155	Nguyễn Chí Thuật	Chi Đoan	01/01/1939	030039005282	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP và chăm sóc người khuyết tật	Khoản 1 Điều 3	100.000	'01/2026	3		300.000	Nguyễn Chí Thuật	9704229207389572417	MB
156	Đặng Thị Đắp	Chi Đoan	01/01/1932	030132004713	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Hoàng Đức Vinh	9704229206129540528	MB
157	Trần Thị Nhài	Cổ Pháp	08/4/1948	030148009590	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Trần Thị Thúy	2301205231853	Agribank
158	Tống Thị Hướng	Cổ Pháp	01/01/1941	030141000926	TCN	Khoản 1 Điều 2	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 3	760.000	'01/2026	3	80000	2.200.000	Trần Văn Cường	0341006849620	Vietcombank
159	Trần Vân Anh	Bắc Phú	08/06/2007	030307011933	HCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học đại học văn bằng thứ nhất	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Phạm Thị Thanh Thúy	8861852883	BIDV
160	Phạm Thị Môn	Chi Đoan	8/8/1952	030152010073	TN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT (Thông liên nhĩ-Q21.1)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'01/2026	3		4.500.000	Nguyễn Thị Mai	0979507992	VP Bank
161	Trần Thị Kim Ánh	An Điền Xuân	27/4/2028	030308012517	TCN	điểm d Khoản 2 Điều 2	Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học đại học văn bằng thứ nhất	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'09/2026	3		4.500.000	Trần Văn Thưởng	1040774906	Vietcombank
162	Nguyễn Quang Thịnh	An Đông	21/08/1989	030089002699	CN	điểm b Khoản 2 Điều 2	Người mắc bệnh chữa trị dài ngày theo TT 25/TT-BYT (Thông liên nhĩ-Q21.0)	Khoản 2 Điều 3	1.500.000	'10/2026	2		3.000.000	Nguyễn Thị Trọng	107884259916	Viettinbank
	TỔNG CỘNG								140.670.000		481	3.760.000	414.990.000			

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm mười bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng./.

Ghi chú: - Giảm 1 đối tượng Người từ đủ 16 tuổi trở lên học cao đẳng nghề (Nguyễn Đình Hoàng thôn An Đoài do đến hết tháng 8/2026 học xong) là 1.500.000 đồng

An Phú, ngày tháng năm 2026

PHÒNG KINH TẾ		CHỦ TÀI KHOẢN DUYỆT CHI
NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG PHÒNG	
Nguyễn Quang Thứ	Nguyễn Hồng Nguyện	CHÁNH VĂN PHÒNG BÙI VĂN KHƯƠNG